TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2023/QĐST-DS	*Bình Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 07 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 104/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 06 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn D, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Số 1346A, tổ 7, ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là *ông Lê Văn D có ông Nguyễn Mạnh K*, sinh năm: 1962. Nơi cư trú: Số 70/21, đường D, phường Đ, thành phố E, tỉnh Vĩnh Long (theo giấy ủy quyền lập ngày 22/6/2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn D: Luật sư Nguyễn Quốc H – Trưởng Chi nhánh Công ty Luật TNHH Z & Cộng sự tại X.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Huy Q, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Tổ 26, khóm G, phường H, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963 (vợ ông D)

Nơi cư trú: Số 1346A, ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Khóm G, phường H, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. ***Về phần đất***:

Ông Lê Văn D đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồngchuyển nhượng quyền sử dụng đấtcho ông Nguyễn Huy Q và bà Nguyễn Thị Thu T phần đất tại thửa số 3253, diện tích đo thực tế 413m^2, gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1, loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 4 (tư liệu CTĐ), đất tọa lạc tại ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long, do ông Lê Văn D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Đính kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất);

2. ***Về tài sản trên đất***:

Tại thửa đất số 3253 có gắn 01 căn nhà tường cấp 4 (1), có diện tích 54m^2, kết cấu: Khung cột bê tong cốt thép, nền láng gạch men, mái tole, vách tường, không trần và căn nhà cấp 4 (2) diện tích 14,75m^2, kết cấu: Khung cột bê tong cốt thép, nền láng xi măng, mái tole, vách tường, không trần, do ông Lê Văn D xây dựng; có 02 hồ nước xây tô tường 100 (01 hồ ngang 4m, dài 5m, cao 1,2m) và (01 hồ ngang 4m, dài 8m, cao 1,2m) và cây trồng trên đất gồm: 03 cây dừ (12 năm tuổi); 01 cây vú sữa (12 năm tuổi); 02 cây mít (12 năm tuổi); 01 cây xoài (12 năm tuổi), do ông Lê Văn D trồng. Nay ông Lê Văn D tự nguyện đồng ý giao cho ông Nguyễn Huy Q và bà Nguyễn Thị Thu T được trọn quyền quản lý và sử dụng các tài sản nêu trên, mà ông Lê Văn D không yêu cầu ông Nguyễn Huy Q và bà Nguyễn Thị Thu T trả lại giá trị căn nhà, hồ nước và cây trồng trên đất cho ông Lê Văn D.

Đề nghị ông Nguyễn Huy Q và bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ đăng ký làm thủ tục phần đất tại thửa 3253 theo quy định của pháp luật.

3. Ông Nguyễn Huy Q và bà Nguyễn Thị Thu T đồng ý có trách nhiệm thanh toán tiếp cho ông Lê Văn D số tiền là:100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

Chia ra làm hai đợt thanh toán như sau:

+ Vào ngày 28/7/2023 bà Nguyễn Thị Thu T thanh toán cho ông Lê Văn D số tiền là: 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng). Ông Lê Văn D đã nhận xong.

+ Vào ngày 30/8/2023 bà Nguyễn Thị Thu T thanh toán tiếp cho ông Lê Văn D số tiền là: 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng). Cho đến hết số tiền còn lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lê Văn D có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí đo đạc khảo sát:

4.1. Về án phí: Không có giá ngạch (của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử đất) là 150.000đồng và án phí có giá ngạch (của số tiền 100.000.000đồng mà ông Q và bà T trả cho ông D. Được tính như sau: 100.000.000đồng x 2,5% = 2.500.000đồng). Do vậy tổng cộng hai khoản án phí là: 2.650.000đồng, mỗi người phải chịu 50% của số tiền 2.650.000đồng : 2 = 1.325.000đồng như sau:

+ Ông Lê Văn D tự nguyện nộp: 1.325.000đồng (Một triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 326/2016/BUTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên ông Lê Văn D là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án.Vì vậy ông Lê Văn D không phải nộp.

+ Ông Nguyễn Huy Q và bà Nguyễn Thị Thu T phải nộp số tiền: 1.325.000đồng (Một triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

4.2. Về chi phí đo đạc khảo sát: Ông Lê Văn D tự nguyện nộp tổng chi phí của 02 đợt khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là: 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) ông Lê Văn D đã nộp xong.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi ban hành không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;

THẨM PHÁN

- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Đương sự: 05;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

Nguyễn Thị Tuyết Sương